

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 146/TC-QĐ-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Về việc sửa đổi bổ sung bảng giá tính thuế nhập

khẩu tối thiểu ban hành kèm theo quyết định số 1187/TC-QĐ-TC ngày 20 tháng 11 năm 1995

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ thẩm quyền và nguyên tắc định giá tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ;

Căn cứ phần II, Thông tư số 72A/TC-TCT ngày 30/8/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ.

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung giá tính thuế nhập khẩu tối thiểu đối với một số loại hàng hoá tại Bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 1187/TC-QĐ-TCT ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

Mã số	Tên hàng	Đơn vị tính	Giá (USD)
1	2	3	4
	Chương 4: Sữa và sản phẩm từ sữa		
040200	Sữa bột nguyên liệu	kg	2,00
	Chương 9: Cà phê, chè, các loại gia vị...		
090122	Cà phê sữa 100 gr/gói do Asean sản xuất	gói	0,23
	Chương 22: Đồ uống, rượu...		
	+ Rượu Champagne (Sâm panh)		

	* Rượu Champagne do Nga sản xuất		
	- Loại chai 0,75 lít	chai	1,80
	- Loại chai 1 lít	-	2,50
	Chương 39: PLASTIC và các sản phẩm bằng PLASTIC		
391800	Bãi bỏ khung giá tính thuế mặt hàng nhựa trải sàn PVC do G7 sản xuất		
3919	Bao bì bánh kẹo bằng PVC 77mmx55mm x 1000m/cuộn do Singapore SX	cuộn	27,50
	Bao bì bánh kẹo bằng PVC 290mm x 210mm x 1000m/cuộn do Singapore SX	cuộn	57,00
	Bao bì bánh kẹo bằng PVC 405mmx290mmx1000m/cuộn do Singapore SX	-	85,00
392100	Tấm PVC khổ 2 mét dày 0,7mm Đài Loan, ASEAN sản xuất	m	2,20
	Chương 40: Cao su và các sản phẩm bằng cao su..		
	* Lốp xe máy		
	- Cỡ 225-17 (G7 sản xuất)	chiếc	7,50
	- Cỡ 250-17 (G7 sản xuất)	-	8,50
	Chương 48: Giấy và bìa giấy		
	Giấy dán tường PVC (khổ 50cm, dài 10m/cuộn)		

	Do Trung Quốc sản xuất	Cuộn	2,00
	Do Đài Loan, ASEAN sản xuất	-	3,30
	Chương 63: Các sản phẩm dệt may khác		
630100	1) Chăn lông hoá học (băng lông) G7 sản xuất		
	- Loại 3,5 kg	Chiếc	35.000
	- Loại 5 kg (2 lớp)	-	45.000
	Chương 84: Các thiết bị cơ khí		
8415	Máy điều hoà nhiệt độ (máy lạnh)		
	4. Máy hiệu Dai Kin (ASEAN sản xuất)		
	* Model FT 25 AVE (9000 BTU/h)	Chiếc	400,00
	* Model FT 35 AVE (13000 BTU/h)	Chiếc	500,00
	* Model FT 45 AVE (18000 BTU/h)	Chiếc	700,00
	* Model FT 60 AVE (24000 BTU/h)	Chiếc	850,00
	* Model FV 35 AVE (13000 BTU/h)	Chiếc	520,00
	* Model FV 45 AVE (18000 BTU/h)	Chiếc	730,00
	* Model FV 60 AVE (24000 BTU/h)	Chiếc	900,00
	* Model FTY 22 AVI (8500 BTU/h)	Chiếc	510,00
	* Model FTY 35 AVI (1300 BTU/h)	Chiếc	630,00
	* Model FTY 45 AVI (1800 BTU/h)	Chiếc	650,00

	* Model FTY 60 AVI (2400 BTU/h)	Chiếc	800,00
	* Model FTY 35 AVI (1800 BTU/h)	Chiếc	700,00
	* Model FTY 45 AVI (1800 BTU/h)	Chiếc	780,00
	* Model FTY 353 CBV1 RY35CV1	Chiếc	730,00
	* Model FTY 453 CBV1 RY45CV1	Chiếc	930,00
	* Model FTYUW30D-281900 BTU/h) Nhật SX	Chiếc	11.500,0
	* Model FTY603 CBV1 R Y603CV1	Chiếc	1.135,00
	* Model FTYRD/FD-147.000 BTU/h		
	Nhật sản xuất	Chiếc	6.500,00
	8. Tủ lạnh hiệu Hitachi		
	- Do Nhật sản xuất		
	* Model R14-TH (143 lít)	Chiếc	200,00
	* ,, R15-ASH (142 lít)	-	210,00
	* ,, R16-ATH (155 lít)	-	230,00
	* ,, R19-ATH (170 lít)	-	270,00
	* ,, R22-ATH (215 lít)	-	350,00
	* ,, R25-VTH (253 lít)	-	450,00
	* ,, R31-VTH (306 lít)	-	570,00
	* ,, R37-ASH (367 lít)	-	680,00